

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN PHƯỚC LONG  
TỈNH BẠC LIÊU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 16/2024/DS-ST  
Ngày: 26/4/2024  
V/v tranh chấp hợp đồng mua  
bán

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Triệu Thanh Liêm

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Văn Chiểu

Ông Mai Quốc Bảo

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Bé – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long tham gia phiên tòa: Bà Lý Thị Nhiên - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 34/2024/TLST-DS ngày 18 tháng 01 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng mua bán” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 85/2024/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị P, sinh năm 1988; địa chỉ: Ấp V, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu

- Bị đơn: Ông Lê Văn P1, sinh năm 1992; địa chỉ: Ấp M, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trần Văn D, sinh năm 1983; địa chỉ: Ấp V, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu

(chị Trần Thị P có đơn xin xét xử vắng mặt; ông Lê Văn P1, ông Trần Văn D vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Thị P trình bày:

Nguyên trước đây vợ chồng bà P có bán lúa cho ông Lê Văn P1. Quá trình mua bán với nhau thì ông P1 còn nợ lại vợ chồng bà số tiền là 35.284.000 đồng. Bà đã nhiều lần yêu cầu ông P1 trả số tiền trên nhưng ông P1 không thực hiện do đó

vào năm 2023 bà có làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Phước Long giải quyết thì hai bên có tự thỏa thuận với nhau được nên bà đã rút đơn và Tòa án đã ra quyết định đình chỉ giải quyết. Theo thỏa thuận đó, ông **Lê Văn P1** đồng ý trả lại vợ chồng tôi số tiền mua bán lúa còn nợ là 36.000.000 đồng, trả làm hai lần như sau:

+ Lần 1 trả số tiền 18.000.000 đồng (trả vào ngày 15/4/2023 âm lịch);

+ Lần 2 trả số tiền 18.000.000 đồng (trả vào ngày 30/6/2023 âm lịch).

Tuy nhiên, kể từ lúc lập tờ cam kết ngày 09/3/2023 đến nay thì ông **P1** mới trả được bà số tiền 5.000.000 đồng, không thực hiện đúng như thỏa thuận. Nên bà khởi kiện yêu cầu ông **P1** trả cho vợ chồng bà tiền mua lúa 31.000.000 đồng.

Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án thì bà **P** có đơn yêu cầu rút một phần yêu cầu khởi kiện với số tiền là 3.000.000 đồng, yêu cầu ông **Lê Văn P1** có trách nhiệm trả số tiền 28.000.000 đồng.

Trong quá trình tiến hành tố tụng: Bị đơn ông **Lê Văn P1** và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông **Trần Văn D** đã được Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Thông báo về việc thu thập tài liệu, chứng cứ; quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng ông **P1**, ông **D** vẫn không có mặt và cũng không gửi văn bản ghi ý kiến của mình cho Tòa án.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long phát biểu quan điểm:*

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự; Đối với các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, riêng bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chưa chấp hành quy định tại khoản 15, 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **Trần Thị P** đối với ông **Lê Văn P1**, buộc ông **P1** có trách nhiệm trả cho bà **P**, ông **D** tổng số tiền là 28.000.000 đồng và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu đòi ông **P1** trả số tiền 3.000.000 đồng.

Về án phí ông **P1** phải chịu theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn bà **Trần Thị P** tranh chấp hợp đồng mua bán với bị đơn ông **Lê Văn P1** theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; bị đơn có địa chỉ tại **ấp M, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu** nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân

dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét xử vắng mặt đương sự: Nguyên đơn bà **Trần Thị P** có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; bị đơn ông **Lê Văn P1**, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông **Trần Văn D** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt bà **P**, ông **P1**, ông **D** là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Bà **P** xác định giữa vợ chồng bà với ông **P1** có thực hiện giao dịch mua bán lúa, với tổng số tiền ông **P1** mua lúa nợ bà là 35.284.000 đồng. Về phía ông **P1**, trong suốt quá trình tố tụng không đến Tòa án nên không có lời trình bày của ông **P1** đối với vụ việc trên. Tuy nhiên theo tờ cam kết lập ngày 09/3/2023, tại Tòa án nhân dân huyện Phước Long thể hiện ông **P1** thừa nhận nợ tiền mua lúa của bà **P** số tiền là 36.000.000 đồng (hai bên tự thống nhất lại) và có sự chứng kiến của ông **Tạ Văn C**. Qua nội dung tờ cam kết trên, có cơ sở xác định giữa ông **P1** với bà **P** có thực hiện giao dịch mua bán lúa với số tiền ông **P1** nợ bà **P** là 36.000.000 đồng. Sau đó thì ông **P1** đã trả thêm cho bà **P** số tiền 8.000.000 đồng. Do đó, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà **P**. Buộc ông **Lê Văn P1** có nghĩa vụ trả cho vợ chồng bà **P** số tiền 28.000.000 đồng.

[3] Quá trình giải quyết vụ án bà **Trần Thị P** có đơn yêu cầu rút một phần yêu cầu khởi kiện với số tiền 3.000.000 đồng. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ xét xử yêu cầu trên của bà **P**.

[4] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà **Trần Thị P** đối với ông **Lê Văn P1**. Buộc ông **P1** phải trả tiền nợ mua lúa cho bà **P**, ông **D** là 28.000.000 đồng và đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của bà **P** với số tiền 3.000.000 đồng; xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ.

[5] Về án phí: Bà **P** không phải chịu. Ông **P1** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 92; Điều 93; Điều 147, Điều 244 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà **Trần Thị P** đối với ông **Lê Văn P1**

2. Buộc ông **Lê Văn P1** trả cho bà **Trần Thị P** và ông **Trần Văn D** số tiền 28.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của bà **Trần Thị P** về việc yêu cầu ông **Lê Văn P1** phải trả số tiền 3.000.000 đồng (ba triệu đồng).

4. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Ông **Lê Văn P1** phải chịu án phí 1.400.0000 đồng. Bà **Trần Thị P** không phải chịu, bà **P** đã dự nộp tạm ứng án phí 775.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0006588 ngày 18 tháng 01 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu được hoàn trả đủ;

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Phước Long;
- THADS huyện Phước Long;
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- Đương sự (để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ.

**Triệu Thanh Liêm**

